| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN TÂN PHÚ**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 434/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 5 - 2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Ngọc Đúng

2. Bà Trần Quang Cảnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh****:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1041/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Hồng Th, sinh năm 1976
Địa chỉ: 54 Đ, khóm , Phường , thành phố Tr, tỉnh Tr

*Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1972
Địa chỉ: 19/6/2 H, phường Ph, quận T, Thành phố H

(Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng Thủy trình bày:*

Bà và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 433/1997-TH, quyển số 03 ngày 05/6/1997 của Ủy ban nhân dân Phường 00, quận T, Thành phố H.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống và suy nghĩ. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, trong thời gian ly thân bà sống tại Trà Vinh, ông T sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, cả hai không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

*Bị đơn ông Phan Văn T trình bày*:

Về quá trình chung sống, kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như lời bà Th trình bày. Ông yêu cầu bà Th phải trả lại cho ông số tiền 63.000.000 đồng mà ông đã thay bà Th trả nợ thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên tên Phan Võ Minh T, sinh ngày 27/9/1997 và Phan Võ Minh Th, sinh ngày 17/12/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 433/1997-TH, quyển số 03 của Ủy ban nhân dân Phường 00, quận T, Thành phố H cấp ngày 05/6/1997 cho Bà Võ Thị Hồng Th và ông Phan Văn T thì quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông T hiện đang cư trú tại quận T, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành

xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 23/4/2018 bà Võ Thị Hồng Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th là phù hợp với qui định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét bà Võ Thị Hồng Th yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn T:

Theo lời trình bày của bà Th trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng về quan điểm, lối sống và suy nghĩ. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, trong thời gian ly thân bà sống tại Trà Vinh, ông T sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, cả hai không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2017 ông Phan Văn T xác định về quá trình chung sống, kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như lời bà Th trình bày. Ông yêu cầu bà Th phải trả lại cho ông số tiền 63.000.000 đồng mà ông đã thay bà Th trả nợ thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Th và ông T xác nhận có 02 con chung tên Phan Võ Minh T, sinh ngày 27/9/1997 và Phan Võ Minh Th, sinh ngày 17/12/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Th và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà Th phải trả cho ông số tiền 63.000.000 đồng mà ông đã trả nợ thay cho bà Th. Ngày 02/01/2018 Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã ra Thông báo về việc bổ sung yêu cầu và tống đạt hợp lệ cho ông T, tuy nhiên, hết thời hạn ông T không nộp đơn yêu cầu cũng như tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng Thủy

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng Th được ly hôn với ông Phan Văn T. Quan hệ hôn nhân của bà Võ Thị Hồng Th và ông Phan Văn T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 433/1997-TH, quyển số 03 của Ủy ban nhân dân Phường 00, quận T, Thành phố H cấp ngày 05/6/1997) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: 02 con chung tên Phan Võ Minh T, sinh ngày 27/9/1997 và Phan Võ Minh Th, sinh ngày 17/12/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Th và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Võ Thị Hồng Thủy chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Th đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0010040 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Th đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Hồng Th và ông Phan Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân P.0, Q.Th, TP.H;
- Lưu VP, hồ sơ (Giang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Viết Hoàng Lâm**